

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ MINH TÂN

Biểu số 104/CK TC-NSNN

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 03/01/2025 của UBND xã Minh Tân)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội Dung	Ước thực hiện năm 2024		Dự toán năm 2025		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	Tổng số thu	36,378,141	33,238,780	32,886,000	21,140,000	90%	64%
I	Các khoản thu hưởng 100%	454,005	454,005	280,000	280,000	62%	62%
1	Phí, lệ phí	25,000	25,000	25,000	25,000	100.00	100.00
2	Thu hoa lợi công sản	329,744	329,744	170,000	170,000	51.56	51.56
3	Thu khác	23,935	23,935	20,000	20,000	83.56	83.56
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	75,326	75,326	65,000	65,000	86.29	86.29
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	9,414,862	6,275,501	20,620,000	8,874,000	219%	141%
1	Thuế thu nhập cá nhân	599,416	242,083	340,000	144,000	24.02	57
2	Lệ phí trước bạ nhà đất	187,164	93,582	180,000	90,000	48.09	96
3	Tiền sử dụng đất	8,362,200	5,853,540	20,000,000	8,600,000	102.84	239
-	Huyện làm chủ đầu tư			9,000,000	900,000		
-	Xã làm chủ đầu tư	8,362,200	5,853,540	11,000,000	7,700,000	92.08	132
4	Thu tiền thuê mặt đất mặt nước	1,260	252				
5	Thuế GTGT - TNDN	255,422	76,724	100,000	40,000	15.66	39
6	Phí môn bài	5,400	5,400				
7	Thuế tiêu thụ đặc biệt	4,000	3,920				
III	Thu chuyển nguồn	8,488,670	8,488,670				
III	Thu kết dư ngân sách năm trước	10,969,552	10,969,552				
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7,051,052	7,051,052	11,986,000	11,986,000	169.99	170
1	Bổ sung cân đối ngân sách	6,609,000	6,609,000	11,986,000	11,986,000	181.36	181
2	Bổ sung có mục tiêu	442,052	442,052	0	0		